

CHÍNH PHỦ
Số: 10/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

*Về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại
Việt Nam*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

*Nhằm khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước
ngoài, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư nước ngoài;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Chính phủ Việt Nam bảo đảm thực hiện ổn định, lâu dài chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; đồng thời sửa đổi, bổ sung chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài theo nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.

2. Chính phủ Việt Nam khuyến khích và dành ưu đãi đặc biệt đối với các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu, sử dụng công nghệ cao, dự án đầu tư thuộc Danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và Danh mục các địa bàn khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Trong trường hợp các quy định mới của pháp luật làm thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh (sau đây gọi là Doanh nghiệp) đã

được quy định tại Giấy phép đầu tư thì các quy định đó sẽ không áp dụng đối với các dự án đã được cấp Giấy phép đầu tư.

Các quy định mới ưu đãi hơn được ban hành sau khi Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư sẽ được Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư điều chỉnh cho Doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Nghị định này.

Điều 2.

1. Các Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực và địa bàn quản lý; cải tiến việc điều hành, rà soát thủ tục đầu tư nhằm bảo đảm thủ tục đầu tư đơn giản, nhanh chóng theo nguyên tắc "một cửa", "một đầu mối".

Thủ trưởng các cơ quan có liên quan có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và chịu trách nhiệm về hoạt động của các cơ quan, cán bộ thuộc quyền quản lý của mình và xử lý kịp thời mọi hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Các Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài cần thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trường hợp có ý kiến khác nhau phải kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG II

HÌNH THÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 3. Ngoài những lĩnh vực thuộc Danh mục không cấp phép đầu tư và những lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, nhà đầu tư nước ngoài được lựa chọn dự án đầu tư, hình thức đầu tư, địa bàn, tỷ lệ góp vốn pháp định, thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Nhà đầu tư nước ngoài được lựa chọn đối tác thuộc các thành phần kinh tế của Việt Nam để hợp tác đầu tư.

Điều 4. Đối với các dự án đầu tư có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm từ 80% trở lên và một số lĩnh vực khác do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, nhà đầu tư đăng ký hồ sơ theo mẫu của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư; Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư quyết định cấp Giấy phép đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 5. Đối với những lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà theo quy định phải có Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề, Doanh nghiệp chỉ cần đăng ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để triển khai hoạt động kinh doanh của mình theo mục tiêu, ngành nghề quy định tại Giấy phép đầu tư, không phải xin Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề.

CHƯƠNG III

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ

Điều 6.

1. Đối với các dự án được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 23 tháng 11 năm 1996, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức ưu đãi và thời hạn miễn, giảm thuế lợi tức theo các tiêu chuẩn khuyến khích đầu tư quy định tại Nghị định 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định 12/CP) hoặc quy định tại Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

2. Thuế suất thuế lợi tức ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh đầu tư vào các dự án thuộc Danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và Danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư được áp dụng trong suốt thời hạn hoạt động của dự án.

Điều 7. Ngoài những trường hợp được miễn thuế lợi tức 8 năm theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định 12/CP, các dự án đầu tư vào các địa bàn khuyến khích đầu tư và các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này được miễn thuế lợi tức trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Điều 8. Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu được tạm chưa nộp thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu trong thời hạn được quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Đối với một số sản phẩm xuất khẩu do yêu cầu sản xuất hoặc chu kỳ sản xuất, thì thời gian tạm chưa nộp thuế nói trên do Bộ Tài chính quyết định.

Điều 9. Giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc diện phải nộp thuế nhập khẩu được xác định trên giá ghi trong hoá đơn hàng hoá nhập khẩu. Trường hợp không có hoá đơn thì giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo quy định của Bộ Tài chính.

Nghiêm cấm việc lợi dụng giá tính thuế nhập khẩu để gian lận thuế; mọi hành vi gian lận thuế nhập khẩu sẽ bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Điều 10.

1. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 63 Nghị định 12/CP được quy định tại Phụ lục II.A kèm theo Nghị định này. Ngoài việc được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải nói trên, Doanh nghiệp còn được miễn thuế nhập khẩu đối với:

Vật tư xây dựng nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được;

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để chế tạo thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với các loại vật tư, nguyên liệu nói trên được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ.

2. Ngoài những thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 63 Nghị định 12/CP, Doanh nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, văn phòng - căn hộ cho thuê, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo, văn hoá, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, dịch vụ tư vấn còn được nhập khẩu miễn thuế một lần trang thiết bị quy định tại Phụ lục II.B kèm theo Nghị định này.

3. Các dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư vào vùng núi, vùng sâu, vùng xa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất trong 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Điều 11. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào sang năm tính thuế tiếp theo và được bù khoản lỗ đó bằng lợi nhuận của những năm tiếp theo, nhưng không được quá 5 năm.

Điều 12.

1. Lãi tiền vay của Doanh nghiệp được tính vào chi phí xây dựng cơ bản hoặc chi phí sản xuất của Doanh nghiệp và được xác định trên cơ sở hợp đồng tín dụng nhưng không cao hơn lãi suất trần tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố đối với các khoản vay trong nước và không cao hơn lãi suất và phí đối với các khoản vay nước ngoài đã được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế các khoản tài trợ cho các hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Điều 13.

1. Đối với dự án đầu tư phải có sản phẩm xuất khẩu thì tỷ lệ và tiến độ thực hiện tỷ lệ xuất khẩu được quy định tại Giấy phép đầu tư.

Trong quá trình kinh doanh, nếu chưa thực hiện được các điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu quy định tại Giấy phép đầu tư, Doanh nghiệp phải báo cáo Bộ Thương mại xem xét điều chỉnh kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hàng năm. Trong trường hợp Doanh nghiệp 3 năm liên tục không thực hiện được tỷ lệ xuất khẩu quy định tại Giấy phép đầu tư, Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư sẽ xem xét điều chỉnh tỷ lệ xuất khẩu và các ưu đãi quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc thu hồi Giấy phép đầu tư.

2. Doanh nghiệp bán sản phẩm do Doanh nghiệp sản xuất cho các doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu và thuế doanh thu tương ứng đối với số sản phẩm nói trên.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp được mua hàng hoá, sản phẩm tại thị trường Việt Nam để chế biến xuất khẩu hoặc để xuất khẩu theo quy định của Bộ Thương mại.

Điều 14.